

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 397/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 79/3A Trần X, tổ 12, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

- Bà Trương Thị Lệ Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 79/3A Trần X, tổ 12, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được qui định tại khoản 2 điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1984 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2008 ngày 15/01/2008. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài,

không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông S và bà Q yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q xác nhận trong quá trình chung sống có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thanh L (nam), sinh ngày 18/10/1986, Nguyễn Thanh I (nam), sinh ngày 12/8/1989 và Nguyễn Thị Thu O (nữ), sinh ngày 20/10/1990, tất cả đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H cấp ngày 15/01/2008).

- Về con chung: có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thanh L (nam), sinh ngày 18/10/1986, Nguyễn Thanh I (nam), sinh ngày 12/8/1989 và Nguyễn Thị Thu O (nữ), sinh ngày 20/10/1990, tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự cam kết không có.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trương Thị Lệ Q phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0032797 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, ông S và bà Q đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.H;
- Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Đức.TK).

**THẨM PHÁN**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Bùi Tường Vân**